

Số: 71 /QĐ-VKS

Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu

**Điều chỉnh giảm 10% dự toán ngân sách nhà nước năm 2026
của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Đồng Nai**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH 13 đã sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QĐ 15 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-VKSTC ngày 13/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Quyết định số 64/QĐ-VKSTC ngày 18/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh giảm 10% dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-VKSTC ngày 11/03/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh giảm 10% dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Đồng Nai (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;

Điều 3. Chánh văn phòng, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục 3 (để báo cáo);
- BLĐ VKS tỉnh;
- 25 đơn vị trực thuộc VKS tỉnh;
- Bảng thông báo điện tử cơ quan;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu VT, KT.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Hân





**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKS ngày / /2026 của Viện KSND tỉnh Đồng Nai)
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/ đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán giảm 10% dự toán NSNN	Chi tiết theo đơn vị sử dụng													VKSND Khu vực 14 - Đồng Nai
			VKSND Khu vực 1 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 2 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 3 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 5 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 6 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 7 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 8 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 9 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 10 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 11 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 12 - Đồng Nai	VKSND Khu vực 13 - Đồng Nai	
1	2	4														
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí															
I	Số thu phí, lệ phí															
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại															
I	Chi sự nghiệp.....															
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
2	Chi quản lý hành chính															
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ															
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ															
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước															
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.527,0	1.375,1	1.168,7	997,0	838,6	393,7	502,8	413,9	408,6	943,5	1.019,5	726,5	498,8	650,3	360,6
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.527,0	1.375,1	1.168,7	997,0	838,6	393,7	502,8	413,9	408,6	943,5	1.019,5	726,5	498,8	650,3	360,6
1	Chi quản lý hành chính	16.527,0	1.375,1	1.168,7	997,0	838,6	393,7	502,8	413,9	408,6	943,5	1.019,5	726,5	498,8	650,3	360,6
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.508,0	1.284,4	1.081,5	924,9	775,0	364,5	464,2	382,0	377,9	874,5	944,3	675,7	463,5	604,1	333,7
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.019,0	90,7	87,2	72,1	63,6	29,2	38,6	31,9	30,7	69,0	75,2	50,8	35,3	46,2	26,9
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ															
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ															
2.1	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia															
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ															
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở															
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng															
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
2.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,0														
3	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															

Số: 21 /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giảm 10% dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 ngày tháng 11 năm 2025 của Quốc hội khoá XV về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-VKSTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của VKSND tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Công văn số 1897/BTC-KTN ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Bộ Tài chính về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm thực hiện tiết kiệm giữ lại 10% dự toán NSNN giao đầu năm để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội và Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 3/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán NSNN năm 2026.

Sau khi Chính phủ hướng dẫn phạm vi, đối tượng thực hiện tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ rà soát thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 2, cấp 3 trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 3. Cục trưởng Cục Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trong ngành Kiểm sát nhân dân chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *ph*

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Các đ/c Phó viện trưởng VKSNDTC;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Kho bạc nhà nước (để biết);
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua ĐVSDNS);
- Lưu VP; C3.

B-100b

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Giảng



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

PHỤ LỤC

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2026
(THỰC HIỆN TIẾT KIỆM 10%)**

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-VKSTC ngày 11/3/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

ĐƠN VỊ: VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Mã số đơn vị quan hệ ngân sách: 1052434

Mã số KBNN nơi giao dịch: 1761

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	Quản lý hành chính (Loại 340-341)	16.527,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ (nguồn 13)	14.508,0
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	2.019,0

th/zo



PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2026 (THỰC HIỆN TIẾT KIỂM 10%)

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-VKSTC ngày 11/3/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

STT	VKS tỉnh	Tên đơn vị cấp III	TỔNG SỐ TIẾT KIỂM 10%	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH					GIÁO DỤC ĐÀO TẠO					Sự nghiệp khoa học công nghệ (Không tự chủ)(loại 100-103)
				Tổng cộng QLHC	Cộng L304-341	Trong đó		Loại 340-368 (Không tự chủ)	Cộng giáo dục đào tạo	Loại 070-081	Trong đó		Đào tạo, bồi dưỡng CBCC (L070-085)	
						Tự chủ	Không tự chủ				KP giao tự chủ	KP không tự chủ		
A	B	C	2=3+8+13	3=4+7	4=5+6	5	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12	13
	Đồng Nai	Văn phòng Viện tỉnh	6.039,0	6.039,0	6.039,0	4.766,0	1.273,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 1	1.411,0	1.411,0	1.411,0	1.324,5	86,5	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 2	1.177,2	1.177,2	1.177,2	1.091,0	86,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 3	941,5	941,5	941,5	870,4	71,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 4	886,4	886,4	886,4	822,8	63,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 5	403,3	403,3	403,3	374,1	29,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 6	521,9	521,9	521,9	483,3	38,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 7	442,6	442,6	442,6	410,7	31,9	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 8	427,7	427,7	427,7	397,0	30,7	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 9	943,5	943,5	943,5	874,5	69,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 10	1.059,0	1.059,0	1.059,0	980,8	78,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 11	733,4	733,4	733,4	681,7	51,7	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 12	481,1	481,1	481,1	446,9	34,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 13	689,2	689,2	689,2	641,0	48,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	VKS khu vực 14	370,2	370,2	370,2	343,3	26,9	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Đồng Nai	Total	16.527,0	16.527,0	16.527,0	14.508,0	2.019,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

Handwritten signature in blue ink.

Số: 64 /QĐ-VKS

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giảm 10% dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (bổ sung, sửa đổi năm 2025);

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán nhà nước ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-VKSTC ngày 06/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân,

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-VKSTC ngày 11/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ công văn số 144/C3-QLTC của Cục Tài chính Viện kiểm sát nhân dân tối cao Hướng dẫn hạch toán kinh phí tiết kiệm 10% dự toán NSNN năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh giảm thực hiện tiết kiệm giữ lại 10% dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 giao đầu năm để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội và Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán NSNN năm 2026 (theo phụ lục đính kèm).

Sau khi Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn phạm vi, đối tượng thực hiện tiết kiệm chi ngân nhà nước năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh sẽ rà soát thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(THỰC HIỆN TIẾT KIỂM 10%)
NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 64/QĐ-VKS ngày 18/03/2026
của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai).

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số đơn vị QHNS	Mã KBNN	Tổng số tiền		
				Tổng số tiền (340-341)	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ
A	B	C	D	1=2+3	2	3
I	Đơn vị quản lý hành chính (Loại 340-341)					
1	Văn phòng VKSND tỉnh Đồng Nai	1052433	1761	6.229,4	4.957,6	1.271,8
2	VKSND Khu vực 1 - Đồng Nai	1052348	1761	1.375,1	1.284,4	90,7
3	VKSND Khu vực 2 - Đồng Nai	1052427	1767	1.168,7	1.081,5	87,2
4	VKSND Khu vực 3 - Đồng Nai	1059990	1771	997,0	924,9	72,1
5	VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai	1052483	1766	838,6	775,0	63,6
6	VKSND Khu vực 5 - Đồng Nai	1050595	1766	393,7	364,5	29,2
7	VKSND Khu vực 6 - Đồng Nai	1052426	1766	502,8	464,2	38,6
8	VKSND Khu vực 7 - Đồng Nai	1052485	1768	413,9	382,0	31,9
9	VKSND Khu vực 8 - Đồng Nai	1052484	1768	408,6	377,9	30,7
10	VKSND Khu vực 9 - Đồng Nai	1053407	1775	943,5	874,5	69,0
11	VKSND Khu vực 10 - Đồng Nai	1053620	1777	1.019,5	944,3	75,2
12	VKSND Khu vực 11 - Đồng Nai	1122411	1779	726,5	675,7	50,8
13	VKSND Khu vực 12 - Đồng Nai	1053411	1780	498,8	463,5	35,3
14	VKSND Khu vực 13 - Đồng Nai	1053527	1779	650,3	604,1	46,2
15	VKSND Khu vực 14 - Đồng Nai	1053528	1778	360,6	333,7	26,9
TỔNG CỘNG:				16.527,0	14.507,8	2.019,2

Ghi chú:

- Thực hiện tiết kiệm 10% theo quyết định 21/QĐ-VKSTC ngày 11/3/2026
- KP thực hiện tự chủ (nguồn 13)
 - KP không thực hiện tự chủ (nguồn 12)

16.527,0 triệu đồng
14.507,8 triệu đồng
2.019,2 triệu đồng